

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Ung Bướu có nhu cầu tiếp nhận báo giá (Mẫu đính kèm) để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu **Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm sinh hóa, huyết học, đông máu và cấp phát máu (nhóm máu và hòa hợp) sử dụng cho máy xét nghiệm tự động tại Bệnh viện Ung Bướu năm 2025 – 2026** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung Bướu. Địa chỉ:
 - Cơ sở 1: Số 3, đường Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 - Cơ sở 2: Số 12 Đường 400, Khu phố 3, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ tên: Nguyễn Thị Bảo Sơn
 - Chức vụ: Nhân viên – Phòng Vật tư, thiết bị y tế
 - Số điện thoại: 0909 59 89 57
 - Địa chỉ email: phongvttb.bvub@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư, thiết bị y tế – Bệnh viện Ung Bướu. Địa chỉ: Số 3, đường Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
 - Đồng thời, nhà cung cấp gửi file excel báo giá, file PDF báo giá kèm các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế qua email: phongvttb.bvub@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 30 tháng 5 năm 2025 đến trước 17h ngày 09 tháng 6 năm 2025.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 09 tháng 06 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị) (Danh mục đính kèm)
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Ung Bướu
 - Cơ sở 1: Số 3, đường Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
 - Cơ sở 2: Số 12, đường 400, Khu phố 3, Phường Tân Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh



Yêu cầu báo giá

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý III/2025.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Không tạm ứng
 - Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nghiệm thu.

Trân trọng./.



GIÁM ĐỐC

Diệp Bảo Tuấn



**Danh mục Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm sinh hóa, huyết học, đông máu và cấp phát máu (nhóm máu và hòa hợp) sử dụng cho máy xét nghiệm tự động tại Bệnh viện Ung Bướu năm 2025
– 2026**

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
1	Định lượng Albumin trong huyết thanh và huyết tương		600	mL
2	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)		1.200	mL
3	Đo hoạt độ ALT (GPT)		4.500	mL
4	Đo hoạt độ AST (GOT)		3.000	mL
5	Định lượng Calci toàn phần		600	mL
6	Định lượng Cholesterol toàn phần		600	mL
7	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy		300	mL
8	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy		300	mL
9	Hóa chất định lượng Creatinin		10.500	mL
10	Hóa chất định lượng CRP		1.200	mL
11	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP có độ nhạy cao		90	mL
12	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường		30	mL
13	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm CRP		180	mL
14	Định lượng Bilirubin trực tiếp		750	mL
15	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase)		1.500	mL
16	Định lượng Glucose		2.400	mL

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
17	Định lượng HbA1c		1.050	mL
18	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol		80	mL
19	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)		1.500	mL
20	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL		90	mL
21	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c		7.500	mL
22	Định lượng Phospho vô cơ		450	mL
23	Định lượng Sắt		450	mL
24	Dung dịch đệm điện cực		50	lít
25	Chất chuẩn huyết thanh mức cao cho xét nghiệm điện giải		1.200	mL
26	Chất chuẩn huyết thanh mức thấp cho xét nghiệm điện giải		1.200	mL
27	Chất chuẩn điện giải mức giữa		60	lít
28	Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu		30	lít
29	Đo hoạt độ LDH		1.200	mL
30	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)		1.500	mL
31	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm LDL		30	mL
32	Định lượng Mg		750	mL
33	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy		250	mL
34	Định lượng Bilirubin toàn phần		1.050	mL

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
35	Định lượng Protein toàn phần		1.800	mL
36	Định lượng Triglycerid		1.150	mL
37	Hóa chất định lượng Ure		3.300	mL
38	Hóa chất định lượng Acid Uric		600	mL
39	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa tự động		180	lít
40	Hóa chất đo hoạt độ Amylase		750	mL
41	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học tự động		7.500	lít
42	Dung dịch đo hemoglobin dùng cho máy huyết học tự động		180	lít
43	Dung dịch ly giải dùng đếm bạch cầu ưa bazơ trên máy huyết học tự động		360.000	mL
44	Dung dịch ly giải dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit trên máy huyết học tự động		300.000	mL
45	Dung dịch nhuộm dùng đếm bạch cầu ưa bazơ trên máy huyết học tự động		5.400	mL
46	Dung dịch nhuộm dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit trên máy huyết học tự động		6.000	mL
47	Dung dịch pha loãng để đo hồng cầu lưới trên máy huyết học tự động		4.500	mL
48	Dung dịch nhuộm để đo hồng cầu lưới trên máy huyết học tự động		110	mL
49	Dung dịch kèm rửa máy huyết học trên máy huyết học tự động		22.500	mL
50	Hóa chất kiểm tra chất lượng huyết học mức 1 trên máy huyết học tự động		360	mL

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
51	Hóa chất kiểm tra chất lượng huyết học mức 2 trên máy huyết học tự động		360	mL
52	Hóa chất kiểm tra chất lượng huyết học mức 3 trên máy huyết học tự động		360	mL
53	Hóa chất chuẩn hóa xét nghiệm huyết học mức 3 trên máy huyết học tự động		10	mL
54	Hóa chất xét nghiệm PT		22.500	mL
55	Hóa chất xét nghiệm APTT		22.500	mL
56	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen		300	mL
57	Nội kiểm đông máu thường quy (có 2 mức nồng độ khác nhau của các chỉ số đông máu thường quy: PT, APTT, TT, Fibrinogen)		600	mL
58	Dung dịch pha loãng mẫu đông máu (dung dịch đệm)		1.500	mL
59	Dung dịch lỏng Canxi Clorua 0,025M dùng cho các xét nghiệm đông máu		3.000	mL
60	Cổng đo từ xét nghiệm đông máu trên hệ thống máy đông máu tự động		150.000	Cái
61	Hóa chất rửa kim trên hệ thống máy đông máu tự động		30.000	mL
62	Hóa chất rửa máy trên hệ thống máy đông máu tự động		600.000	mL
63	Hóa chất xét nghiệm D-Dimer		900	mL
64	Chất nội kiểm xét nghiệm D-Dimer		300	mL
65	Gelcard ≥ 6 giếng làm xét nghiệm bảo đảm hòa hợp miễn dịch truyền máu		90.000	Cái
66	Dung dịch pha loãng hồng cầu để phát máu		9.000	mL

